

**Phụ lục 1.**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**  
**VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ...../GP-UBND  
ngày ...../...../2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

Nước thải phát sinh của dự án sau khi xử lý sơ bộ đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B (đối với chỉ tiêu kim loại đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT) được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

Đã thỏa thuận đầu nối nước thải phát sinh từ dự án vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước tại các Văn bản: Hợp đồng cho thuê lại đất số 05/2023/HĐTLĐ ngày 31/7/2023, số 02/2024/HĐTLĐ ngày 14/8/2024 giữa Công ty CP Phát triển hạ tầng kỹ thuật Becamex - Bình Phước và Công ty TNHH Gia Phong Precision Industry; Công văn số 10/CV-BBP ngày 16/01/2024 của Công ty CP Phát triển hạ tầng kỹ thuật Becamex - Bình Phước phúc đáp Công văn số 01/2025 về việc thỏa thuận tiếp nhận nước thải của Công ty TNHH Gia Phong Precision Industry.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục**

***1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải***

- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải phát sinh từ dự án bao gồm nước thải sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại nhà máy và nước thải sản xuất, bao gồm:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh với lưu lượng khoảng 7,2 m<sup>3</sup>/ngày.đêm được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

+ Nước thải sản xuất bao gồm:

Nước xả cặn của hệ thống giải nhiệt phát sinh khoảng 1,72 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (06 tháng/lần) được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để xử lý.

Nước thải từ công đoạn tiện phát sinh khoảng 2 m<sup>3</sup>/tháng/lần được thu gom, lưu chứa và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý như chất thải nguy hại theo đúng quy định.

Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải phát sinh khoảng 5 m<sup>3</sup>/tháng/lần được thu gom, lưu chứa và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý như chất thải nguy hại theo đúng quy định.

- Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại, nước xả cặn của hệ thống giải nhiệt sau xử lý đạt QCVN 40:20141/BTNMT, cột B, riêng chỉ tiêu kim loại đạt cột A, sẽ được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải dẫn vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước để tiếp tục xử lý. Tọa độ điểm đầu nối nước thải: X = 1265988,47; Y = 542573,25 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 106°15', múi chiếu 3<sup>0</sup>).

### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải**

- Hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải (sau bể tự hoại, nước xả cặn của hệ thống giải nhiệt) → Bể lắng cặn và bùn → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng → Bể khử trùng → Đầu nối vào hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B).

- Công suất thiết kế hệ thống: 10 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Chế độ vận hành: Liên tục.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine, NaOH, mật rỉ.

### **1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục**

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

### **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố**

- Trang bị phương tiện, thiết bị dự phòng cho hệ thống để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải. Thường xuyên kiểm tra đường ống, công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì và bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Phối hợp với Chủ đầu tư hạ tầng KCN Becamex - Bình Phước để giám sát các thông số nước thải của nhà máy trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Becamex - Bình Phước.

- Trường hợp nước thải đầu ra vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trong điều kiện trạm xử lý nước thải vẫn hoạt động, nước thải sẽ được quay vòng để xử lý lại. Nếu hệ thống xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc phục ngay, sẽ tạm dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý nước thải đảm bảo yêu cầu kỹ

thuật và bảo vệ môi trường.

### **1.5. Đối với đơn vị thuê lại nhà xưởng**

Đơn vị thuê lại nhà xưởng lắp đặt hệ thống xử lý nước thải (nếu có) tại vị trí Công ty TNHH Gia Phong Precision Industry quy hoạch khu vực xử lý nước thải cho đơn vị thuê lại nhà xưởng, tự thỏa thuận vị trí đấu nối với Chủ đầu tư hạ tầng KCN Becamex - Bình Phước và chịu trách nhiệm về chất lượng nước thải khi trước đấu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex Bình Phước.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

### **2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm**

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 và khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

### **2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm**

Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 10 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

#### **2.2.1. Vị trí lấy mẫu**

Tại đầu vào (01 mẫu đơn) và đầu ra (03 mẫu đơn) của hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m<sup>3</sup>/ngày đêm (hố ga trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Becamex - Bình Phước).

#### **2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm**

Đảm bảo đạt tiêu chuẩn đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Becamex - Bình Phước, cụ thể như sau:

<b>STT</b>	<b>Chất ô nhiễm</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Giá trị giới hạn cho phép QCVN 40:2011/BTNMT, cột B</b>
1	Lưu lượng	-	
2	pH	-	5,5 - 9
3	BOD <sub>5</sub>	mg/l	50
4	COD	mg/l	150
5	TSS	mg/l	100
6	Tổng N	mg/l	40
7	Tổng P	mg/l	6
8	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/l	10

9	Coliform	Vi khuẩn/ 100ml	5.000
10	Amoni (tính theo N)	mg/l	10

### **2.3. Tần suất lấy mẫu**

Đảm bảo thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể: 01 mẫu đơn nước thải đầu vào và 03 mẫu đơn nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

**3.1.** Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu tiếp nhận, đầu nối nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Becamex - Bình Phước (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B; các chỉ tiêu kim loại đạt cột A, QCVN 40:2011/BTNMT), không xả thải trực tiếp ra môi trường.

**3.2.** Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

**3.3.** Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

**3.4.** Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

**3.5.** Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Becamex - Bình Phước và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

**3.6.** Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Phụ lục 2.**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ...../GP-UBND*  
*ngày ...../...../2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn thải số 01: Bụi kim loại phát sinh từ công đoạn cắt (không phát sinh dòng thải).
- Nguồn thải số 02: Bụi kim loại từ công đoạn nạp liệu (không phát sinh dòng thải).
- Nguồn thải số 03: Bụi, khí thải phát sinh công đoạn nung chảy phôi thép.
- Nguồn thải số 04: Bụi, khí thải từ công đoạn đúc định hình.
- Nguồn thải số 05: Khí thải phát sinh từ công đoạn ủ .
- Nguồn thải số 06: Khí thải (hơi dầu) phát sinh từ công đoạn phay CNC (không phát sinh dòng thải).
- Nguồn thải số 07: Bụi từ công đoạn tiện (không phát sinh dòng thải).
- Nguồn thải số 08: Bụi từ công đoạn gia công cơ khí (mài, khoan loại bỏ biên thừa, phun cát bắn bi, phay - CNC).
- Nguồn thải số 09: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng 250KVA.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**

**2.1. Vị trí xả khí thải**

STT	Dòng khí thải	Vị trí	Tọa độ VN2000, kinh tuyến 106 <sup>0</sup> 15', múi chiều 3 <sup>0</sup>	
			X (m)	Y (m)
1	Dòng khí thải số 01	Ống thải của hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn nung, đúc định hình, ủ, gia công cơ khí(Nguồn số 03, 04, 05, 08)	1265995	542715
2	Dòng khí thải số 02	Ống thải của máy phát điện dự phòng (Nguồn số 09)	1266008	542697

## 2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 25.000 m<sup>3</sup>/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 1.267 m<sup>3</sup>/giờ.

### 2.2.1. Phương thức xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thải khí thải, xả liên tục khi hoạt động (2 ca/ngày; 16/24 giờ).
- Dòng khí thải số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng được xả ra ngoài môi trường qua ống thải khí, xả gián đoạn (chỉ phát sinh trong trường hợp có sự cố mất điện).

### 2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường

- Khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B,  $k_p = 0,9$ ,  $k_v = 1$ ); QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ, quan trắc tự động, liên tục
			QCVN 19:2009/BTNMT, (cột B, $k_p = 0,9$ , $k_v = 1$ )	QCVN 20:2009/BTNMT	
<b>I</b>	<b>Dòng khí thải số 01</b>				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tần suất quan trắc định kỳ: 06 tháng/lần (theo đề xuất của Chủ dự án).</li> <li>- Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ</li> </ul>
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-		
2	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	180		
3	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	900		
4	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	765		
5	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	450		
6	Formaldehyde	mg/Nm <sup>3</sup>		20	
7	Acetone	mg/Nm <sup>3</sup>		-	
<b>II</b>	<b>Dòng khí thải số 02:</b> Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải. Nhiên liệu dầu DO sử dụng cho máy phát điện phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.				



- Đối với nguồn bụi, khí thải không phát sinh dòng khí thải (Nguồn số 01, 02, 06, 07) phải đảm bảo môi trường không khí khu vực sản xuất đạt các quy định của pháp luật hiện hành.

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

#### **1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải**

- Nguồn số 03, 04, 05: Bụi, khí thải phát sinh tại công đoạn nung chảy, đúc định hình, ủ được thu gom bằng đường ống thu gom về hệ thống số 01 để xử lý, sau đó được dẫn về hệ thống xử lý chung để tiếp tục xử lý và thải ra ngoài môi trường.

- Nguồn số 08: Bụi, khí thải phát sinh khí thải tại công đoạn gia công cơ khí (mài, khoan, phun cát, bắn bi, phay CNC) được thu gom bằng đường ống thu gom về hệ thống số 2 để xử lý, sau đó được dẫn về hệ thống xử lý chung để tiếp tục xử lý và thải ra ngoài môi trường.

#### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải**

##### **1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải (Dòng khí thải số 01)**

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Hệ thống số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn nung chảy, đúc định hình, ủ → Chụp hút → Ống thu gom → Thùng than hấp phụ → Quạt hút → Hệ thống xử lý chung

+ Hệ thống số 02: Bụi kim loại phát sinh công đoạn gia công cơ khí → Chụp hút → Ống thu gom → Quạt hút → Hệ thống xử lý chung .

+ Hệ thống xử lý chung: Hệ thống số 01 + Hệ thống số 02 → Tháp hấp thụ → Ống thải (đường kính D750mm, chiều cao 11m).

- Công suất thiết kế: 25.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất sử dụng: NaOH, than hoạt tính.

##### **1.2.2. Hệ thống thu gom, thoát khí thải máy phát điện dự phòng (sử dụng nhiên liệu dầu DO) (Dòng khí thải số 02)**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Ống thải khí (cao 5,5 m).

- Công suất thiết kế: 1.267 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

##### **1.2.3. Hệ thống thu gom bụi, khí thải**

- Hơi dầu (VOC) phát sinh từ công đoạn phay - CNC (Nguồn số 6) → Bộ lọc hơi dầu → Khí sạch.

Hệ thống thu gom không phát sinh dòng thải. Sau khi qua bộ lọc hơi dầu (được thiết kế đi kèm đồng bộ với thiết bị phay CNC) không khí khu vực sản xuất đạt các quy định của pháp luật hiện hành.

- Bụi kim loại phát sinh từ công đoạn tiện → Hệ thống phun nước → Thùng chứa → Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý như CTNH.

Hệ thống thu gom không phát sinh dòng thải. Sau khi qua hệ thống phun nước (được thiết kế đi kèm đồng bộ với thiết bị tiện) không khí khu vực sản xuất đạt các quy định của pháp luật hiện hành. Bùn, cặn có chứa kim loại được thu gom, lưu chứa và hợp đồng xử lý với đơn vị có chức năng theo đúng quy định.

### ***1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục***

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

### ***1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố***

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị của hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động, đảm bảo độ ổn định của các hệ thống thu gom, xử lý.

- Khi có sự cố, tạm dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý bụi, khí thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

### ***1.5. Đối với đơn vị thuê lại nhà xưởng***

Đơn vị thuê lại nhà xưởng lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý khí thải (nếu có) tại vị trí Công ty TNHH Gia Phong Precision Industry quy hoạch khu vực xử lý khí thải cho đơn vị thuê lại nhà xưởng.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

### ***2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm***

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 và khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

### ***2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm***

Hệ thống xử lý khí thải công suất 25.000 m<sup>3</sup>/giờ.

#### ***2.2.1. Vị trí lấy mẫu***

01 vị trí, tương ứng với ống thoát khí thải của hệ thống xử lý bụi, khí thải công suất 25.000 m<sup>3</sup>/giờ.

#### ***2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm***

Đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, k<sub>p</sub> = 0,9, k<sub>v</sub> = 1,0) và QCVN



20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

### **2.3. Tần suất lấy mẫu**

Đảm bảo thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể: 03 mẫu đơn bụi, khí thải đầu ra của hệ thống xử lý bụi, khí thải trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý bụi, khí thải.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2, Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Đối với công đoạn sản xuất không có hệ thống xử lý bụi, khí thải phải đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc theo các quy định pháp luật hiện hành.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2, Phần A Phụ lục này và phải ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Thực hiện chương trình quan trắc khí thải định kỳ theo đề xuất của chủ dự án với tần suất 06 tháng/lần. Đối với thông số acetone thực hiện quan trắc khi có quy chuẩn so sánh.

3.4. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.6. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Phụ lục 3.****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ...../GP-UBND  
ngày ...../...../2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Phát sinh từ hoạt động của công đoạn cắt, nạp liệu.
- Nguồn số 02 → số 03: Phát sinh từ hoạt động của lò nung số 01, số 02.
- Nguồn số 04 → số 05: Phát sinh từ hoạt động của lò ủ số 01, số 02.
- Nguồn số 06 → số 07: Phát sinh từ hoạt động của khu vực máy phay số 01, số 02.
- Nguồn số 08 → số 09: Phát sinh từ hoạt động của khu vực máy tiện 01, số 02.
- Nguồn số 10: Phát sinh từ hoạt động của máy phun cát, bắn bi.
- Nguồn số 11: Phát sinh từ hoạt động của máy mài.
- Nguồn số 12: Phát sinh từ khu vực hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 13: Phát sinh từ khu vực hệ thống xử lý khí thải.
- Nguồn số 14: Phát sinh từ máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 15: Phát sinh từ hoạt động của khu vực máy khoan loại bỏ biên thừa.
- Nguồn số 16: Phát sinh từ hoạt động của khu vực đóng gói thành phẩm.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- + Nguồn số 01: X(m) = 1266041; Y(m) = 542630
- + Nguồn số 02: X(m) = 1266031; Y(m) = 542720
- + Nguồn số 03: X(m) = 1266019; Y(m) = 542720
- + Nguồn số 04: X(m) = 1266011; Y(m) = 542689
- + Nguồn số 05: X(m) = 1266011; Y(m) = 542705
- + Nguồn số 06: X(m) = 1266015; Y(m) = 542670
- + Nguồn số 07: X(m) = 1266008; Y(m) = 542672
- + Nguồn số 08: X(m) = 1266020; Y(m) = 542650
- + Nguồn số 09: X(m) = 1266020; Y(m) = 542650
- + Nguồn số 10: X(m) = 1266008; Y(m) = 542680
- + Nguồn số 11: X(m) = 1266008; Y(m) = 542680

+ Nguồn số 12: X(m) = 1266038; Y(m) = 542725

+ Nguồn số 13: X(m) = 1265998; Y(m) = 542726

+ Nguồn số 14: X(m) = 1266008; Y(m) = 542697

+ Nguồn số 15: X(m) = 1266020; Y(m) = 542632

+ Nguồn số 16: X(m) = 1266047; Y(m) = 542699

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến  $106^{\circ}15'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ )

### 3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

#### 3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

#### 3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Đảm bảo độ cân bằng của máy móc, thiết bị trong quá trình lắp đặt và vận hành; kiểm tra độ mòn chi tiết và thường xuyên bôi trơn máy móc hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng; bảo dưỡng các máy móc, thiết bị định kỳ...

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên làm việc trong khu vực có độ ồn cao.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của các máy móc thiết bị để giảm rung, giảm ồn...

### 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**Phụ lục 4.**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ...../GP-UBND  
ngày ...../...../2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

***1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên***

<b>STT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Mã chất thải</b>	<b>Ký hiệu phân loại</b>	<b>Khối lượng (kg/năm)</b>
1	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	18 01 03	KS	708
2	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	KS	708
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	NH	15,3
4	Giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	KS	50
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	NH	35,61
6	Dầu chống gỉ	07 03 05	NH	4.000
7	Dầu mài thải	07 03 05	NH	2.000
8	Dầu cắt gọt thải	07 03 05	NH	720
9	Nước thải và cặn dầu phát sinh	07 03 07	NH	1.080
10	Vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại	07 03 10	KS	1.600
11	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình tiện và HTXL Khí thải	07 03 07	NH	910
12	Xi và váng bọt từ quá trình nấu chảy kim loại đen có chứa các kim loại nặng	05 08 06	KS	5.143,15

13	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	NH	4.544,5
14	Các vật liệu mài dạng hạt thải có các thành phần nguy hại (cát, bột mài...)	07 03 08	KS	1.600
15	Kim loại bị nhiễm các thành phần nguy hại	11 04 01	KS	10.287,93
16	Cặn NaOH trong bồn pha hóa chất	02 02 02	NH	20
17	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 05	KS	951,6
18	Chất phủ khuôn thừa (nhựa mica)	16 01 09	KS	76
<b>Cộng</b>				<b>34.450,09</b>

Đối với chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát: Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh**

STT	Loại chất thải phát sinh	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy văn phòng thải	18 01 05	TT-R	60
2	Bao bì đựng đóng gói thải	18 01 05	TT-R	225
3	Kim loại thép, ba dờ thải	11 04 03	TT-R	11.090
4	Bi thép không chứa thành phần nguy hại	11 04 03	TT-R	8,16
5	Khuôn đổ bằng kim loại hư hỏng	07 03 12	TT-R	9.600
6	Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in)	08 02 08	TT	11
7	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tại chỗ (Bùn thải bể tự hoại)	06 02 10	TT	9.160
8	Bụi chứa kim loại	07 03 13	TT	9.784,95
<b>Cộng</b>				<b>39.939,11</b>

### ***1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt***

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 90 kg/ngày, tương đương 27,9 tấn/năm.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

### ***2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại***

#### ***2.1.1. Thiết bị lưu chứa***

Chất thải nguy hại được chứa trong thùng chứa, bao bì chuyên dụng đảm bảo lưu chứa toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh.

#### ***2.1.2. Kho lưu chứa***

- Diện tích kho: 16,35 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại có tường bao, mái che, nền chống thấm, có thiết kế hồ thu gom chất lỏng, có biển cảnh báo, thiết bị phòng cháy chữa cháy...

### ***2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường***

#### ***2.2.1. Thiết bị lưu chứa***

Chất thải rắn công nghiệp thông thường được lưu chứa trong các bao bì, thùng chứa chuyên dụng đảm bảo lưu chứa toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh.

#### ***2.2.2. Kho lưu chứa***

- Diện tích kho: 15 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Có tường bao, mái che, nền chống thấm, gờ chắn, dán nhãn biển cảnh báo...

### ***2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt***

#### ***2.3.1. Thiết bị lưu chứa***

Chất thải rắn sinh hoạt được lưu chứa trong các thùng chứa có nắp đậy đảm bảo lưu chứa toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.

#### ***2.3.2. Kho lưu chứa***

- Diện tích kho: 15 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho chứa có tường bao, mái che, gờ chắn, dán nhãn biển cảnh báo...

### ***2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt***

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy



định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### **2.5. Đối với đơn vị thuê lại nhà xưởng**

Đơn vị thuê lại nhà xưởng lắp đặt kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại tại vị trí Công ty TNHH Gia Phong Precision Industry quy hoạch khu vực kho chứa chất thải cho đơn vị thuê lại nhà xưởng.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

**Phụ lục 5.**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: ...../GP-UBND*  
*ngày ...../...../2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)*

1. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Sử dụng, lưu trữ, bảo quản các nguyên vật liệu, hóa chất, sản phẩm phải đảm bảo theo đúng quy định có liên quan.

3. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

5. Công ty TNHH Gia Phong Precision Industry có trách nhiệm bố trí, quy hoạch vị trí, diện tích để đơn vị thuê lại nhà xưởng đầu tư lắp đặt hệ thống xử lý nước thải (nếu có), hệ thống xử lý khí thải (nếu có), kho chứa chất thải đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật quy hoạch, xây dựng.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của dự án.

8. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

10. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép, đối với thông số acetone thực hiện quan trắc khi có quy chuẩn so sánh; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản nhà nước kiểm tra.

11. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật./.